

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Khởi sự kinh doanh - MH1104249

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110424901 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Thủy - (04151)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310160030	Phạm Nguyễn Trường An	29/09/2005	C25TM		8	Tám	
2	2310160011	Huỳnh Thảo Chi	05/04/2005	C25TM		7	Bảy	
3	2310160034	Nguyễn Kiều Quốc Cường	06/02/2005	C25TM		8,4	Tám, tư	
4	2310160006	Hồ Thị Mỹ Hạnh	19/04/2005	C25TM		8,6	Tám, sáu	
5	2310160002	Trần Ngọc Minh Hân	10/12/2005	C25TM		8	Tám	
6	2310160001	Phạm Thị Mỹ Lệ	12/02/2000	C25TM		10	Mười	
7	2310160008	Trần Hoàng Long	01/11/2005	C25TM		8,6	Tám, sáu	
8	2310160036	Huỳnh Tấn Lộc	16/10/2004	C25TM		8,2	Tám, hai	
9	2310160035	Nguyễn Minh Luân	08/11/2005	C25TM		7,6	Bảy, sáu	
10	2310160020	Lư Trúc Mai	07/05/2005	C25TM		9	Chín	
11	2310160015	Nhan Thanh Mai	14/12/2005	C25TM		8	Tám	
12	2310160009	Nguyễn Thị Hà My	01/01/2004	C25TM		9	Chín	
13	2310160027	Nguyễn Ánh Như	06/05/2005	C25TM		8	Tám	
14	2310160038	Nguyễn Nhật Hà Phương	01/10/2005	C25TM		8,6	Tám, sáu	
15	2310160019	Trần Trúc Phương	26/10/2005	C25TM		7,6	Bảy, sáu	
16	2310160033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	26/06/1996	C25TM		9	Chín	
17	2310160005	Phạm Thị Ngọc Thảo	26/09/2005	C25TM		10	Mười	
18	2310160021	Đinh Như Thiện	27/06/2005	C25TM		-		
19	2310040022	Nguyễn Ngô Nhật Thuận	02/04/2005	C25TM		8,6	Tám, sáu	
20	2310160013	Nguyễn Trần Anh Thư	10/12/2005	C25TM		9,6	Chín, sáu	
21	2310160007	Đoàn Thị Mỹ Tiên	31/03/2005	C25TM		9	Chín	
22	2310160023	Trần Thị Cẩm Tiên	24/12/2005	C25TM		8,6	Tám, sáu	
23	2310160003	Huỳnh Thị Kim Trang	17/02/2005	C25TM		9,6	Chín, sáu	
24	2310160037	Nguyễn Minh Tú	23/11/2005	C25TM		8,0	Tám	
25	2310160025	Lê Hoàng Vũ	30/09/2005	C25TM		8,6	Tám, sáu	
26	2310160012	Lê Thị Thúy Vy	10/03/2005	C25TM		9	Chín	

- Lưu ý:** - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 vắng thi: 01 . Số bài thi: 25 / 25 .

Ngày...6...tháng...9...năm...2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày...5...tháng...9...năm...2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Hằng Thuận



Môn học : Khởi sự kinh doanh - MH1104249

Mã lớp học phần: 25111MH110424901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Thủy - (04151)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310160030	Phạm Nguyễn Trường An	29/09/2005	C25TM		8,2	tám, hai	
2	2310160011	Huỳnh Thảo Chi	05/04/2005	C25TM		8,6	tám, sáu	
3	2310160034	Nguyễn Kiều Quốc Cường	06/02/2005	C25TM		9,2	chín, hai	
4	2310160006	Hồ Thị Mỹ Hạnh	19/04/2005	C25TM		9	chín	
5	2310160002	Trần Ngọc Minh Hân	10/12/2005	C25TM		8,4	tám, bốn	
6	2310160001	Phạm Thị Mỹ Lệ	12/02/2000	C25TM		9,6	chín, sáu	
7	2310160008	Trần Hoàng Long	01/11/2005	C25TM		8	tám	
8	2310160036	Huỳnh Tấn Lộc	16/10/2004	C25TM		9	chín	
9	2310160035	Nguyễn Minh Luân	08/11/2005	C25TM		8,8	tám, tám	
10	2310160020	Lư Trúc Mai	07/05/2005	C25TM		9	chín	
11	2310160015	Nhan Thanh Mai	14/12/2005	C25TM		7,8	bảy, tám	
12	2310160009	Nguyễn Thị Hà My	01/01/2004	C25TM		8,8	tám, tám	
13	2310160027	Nguyễn Ánh Như	06/05/2005	C25TM		9,4	chín, bốn	
14	2310160038	Nguyễn Nhứt Hà Phương	01/10/2005	C25TM		9	chín	
15	2310160019	Trần Trúc Phương	26/10/2005	C25TM		9,6	chín, sáu	
16	2310160033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	26/06/1996	C25TM		9,4	chín, bốn	
17	2310160005	Phạm Thị Ngọc Thảo	26/09/2005	C25TM		9,4	chín, bốn	
18	2310160021	Đinh Như Thiện	27/06/2005	C25TM		VI		
19	2310040022	Nguyễn Ngô Nhật Thuận	02/04/2005	C25TM		9	chín	
20	2310160013	Nguyễn Trần Anh Thư	10/12/2005	C25TM		8,8	tám, tám	
21	2310160007	Đoàn Thị Mỹ Tiên	31/03/2005	C25TM		9,2	chín, hai	
22	2310160023	Trần Thị Cẩm Tiên	24/12/2005	C25TM		9,6	chín, sáu	
23	2310160003	Huỳnh Thị Kim Trang	17/02/2005	C25TM		9,4	chín, bốn	
24	2310160037	Nguyễn Minh Tú	23/11/2005	C25TM		9,2	chín, hai	
25	2310160025	Lê Hoàng Vũ	30/09/2005	C25TM		9	chín	
26	2310160012	Lê Thị Thủy Vy	10/03/2005	C25TM		9,4	chín, bốn	

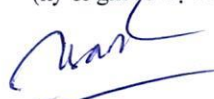
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 vắng thi: 1. Số bài thi: 25 / 25.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021

P TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoàn

Ngày 16 tháng 9 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Huyền



TRƯỜNG CAO ĐẲNG B.C CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Khởi sự kinh doanh - MH1104249

Mã lớp học phần: 25111MH110424901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Thủy - (04151)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005	C25LG1		7,8	Bảy, tám	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005	C25LG1		8	tám	
3	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005	C25LG1		9	chín	
4	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005	C25LG1		8,6	tám, sáu	
5	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005	C25LG1		8	tám	
6	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005	C25LG1		8	tám	
7	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	C25LG1		7	bảy	
8	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005	C25LG1		8	tám	
9	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000	C25LG1		7,6	bảy, sáu	
10	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997	C25LG1		8	tám	
11	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005	C25LG1		8	tám	
12	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	C25LG1		7,6	bảy, sáu	
13	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	C25LG1		7,6	bảy, sáu	
14	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	C25LG1		8	tám	
15	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005	C25LG1		8,6	tám, sáu	
16	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005	C25LG1		8	tám	
17	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005	C25LG1		10	mười	
18	2310150022	Lê Minh Nhựt	24/01/2005	C25LG1		8	tám	
19	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005	C25LG1		10	mười	
20	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005	C25LG1		9	chín	
21	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	C25LG1		7	bảy	
22	2310150009	Nguyễn Mẫn Vinh	15/07/2005	C25LG1		8,2	tám, hai	
23	2310150010	Phạm Ngọc Thảo Vy	03/10/2004	C25LG1		8	tám	
24	2310150004	Nguyễn Hồng Yến	06/11/2005	C25LG1		8,6	tám, sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 Số bài thi: 24 / 24.

Ngày: 6 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 5 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Môn học : Khởi sự kinh doanh - MH1104249

Mã lớp học phần: 25111MH110424901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Thủy - (04151)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005	C25LG1		8,8	Tám, tám	
2	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005	C25LG1		8,2	Tám, hai	
3	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005	C25LG1		9,4	chín, bốn	
4	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005	C25LG1		7,8	bảy, tám	
5	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005	C25LG1		9	chín	
6	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005	C25LG1		8,8	Tám, tám	
7	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004	C25LG1		8	Tám	
8	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005	C25LG1		7,8	Bảy, tám	
9	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000	C25LG1		9,2	chín, hai	
10	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997	C25LG1		9	chín	
11	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005	C25LG1		9	chín	
12	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005	C25LG1		8,8	Tám, tám	
13	2310110026	Điền Gia Nghi	29/05/2005	C25LG1		8,6	Tám, sáu	
14	2310150008	Võ Phan Hạnh Nguyên	26/07/2002	C25LG1		9	chín	
15	2310150020	Thạch Phương Nhi	01/04/2005	C25LG1		9,4	chín, bốn	
16	2310150033	Cao Thị Huỳnh Như	08/03/2005	C25LG1		9	chín	
17	2310150021	Huỳnh Thị Tâm Như	05/12/2005	C25LG1		8,6	Tám, sáu	
18	2310150022	Lê Minh Nhựt	24/01/2005	C25LG1		8,6	Tám, sáu	
19	2310150032	Cao Thiên Phúc	05/04/2005	C25LG1		9,2	chín, hai	
20	2310150011	Nguyễn Ngọc Thiện	01/12/2005	C25LG1		9	chín	
21	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	C25LG1		9	chín	
22	2310150009	Nguyễn Mẫn Vinh	15/07/2005	C25LG1		9,4	chín, bốn	
23	2310150010	Phạm Ngọc Thảo Vy	03/10/2004	C25LG1		8	Tám	
24	2310150004	Nguyễn Hồng Yến	06/11/2005	C25LG1		9	chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 0. Số bài thi: 24 / 24.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 16 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : ~~Khởi sự kinh doanh~~ - MH1104249

Mã lớp học phần: 25111MH110424901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Thủy - (04151)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005	C25LG2		8,4	Tám, bốn	
2	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005	C25LG2		8	Tám	
3	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2		8	Tám	
4	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002	C25LG2		9	Chín	
5	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005	C25LG2		8	Tám	
6	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	C25LG2		10	Mười	
7	2310150052	Nguyễn Dương Minh	28/08/2005	C25LG2		-		
8	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005	C25LG2		8	Tám	
9	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005	C25LG2		10	Mười	
10	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005	C25LG2		8	Tám	
11	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005	C25LG2		9	Chín	
12	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005	C25LG2		7	Bảy	
13	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005	C25LG2		8	Tám	
14	2310150043	Lê Thái Minh Thư	14/10/2005	C25LG2		7	Bảy	
15	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	C25LG2		8,6	Tám, sáu	
16	2310150042	Nguyễn Cẩm Tự	30/10/2005	C25LG2		7,6	Bảy, sáu	
17	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	26/08/2004	C25LG2		8,4	Tám, bốn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 01 . Số bài thi: 16 / 16 .

Ngày 6 tháng 9 năm 2025

Ngày 5 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Nguyễn Thị Hằng Thuận

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Khởi sự kinh doanh - MH1104249

Mã lớp học phần: 25111MH110424901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Thủy - (04151)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005	C25LG2	Li	8,4	Tám, bốn	
2	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005	C25LG2	Dan	8,8	Tám, tám	
3	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004	C25LG2	Đạt	9,4	Chín, bốn	
4	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002	C25LG2	Hai	8,8	Tám, tám	
5	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005	C25LG2	Hân	8,8	Tám, tám	
6	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005	C25LG2	Huy	8,4	Tám, bốn	
7	2310150052	Nguyễn Dương Minh	28/08/2005	C25LG2	Minh	VT		viết nhầm
8	2310160017	Trần Lan Thúy My	01/05/2005	C25LG2	My	9,4	Chín, bốn	
9	2310150050	Hà Bảo Uyên Nghi	24/07/2005	C25LG2	Nghi	8,2	Tám, hai	
10	2310150047	Đỗ Uyên Phương	13/07/2005	C25LG2	Phương	9,4	Chín, bốn	
11	2310150039	Trần Hữu Quý	24/04/2005	C25LG2	Quý	9,6	Chín, sáu	
12	2310150037	Huỳnh Thị Kim Thanh	12/10/2005	C25LG2	Thanh	8,8	Tám, tám	
13	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005	C25LG2	Thuận	9,4	Chín, bốn	
14	2310150043	Lê Thái Minh Thư	14/10/2005	C25LG2	Thư	8,8	Tám, tám	
15	2310150045	Lê Thị Cẩm Tiên	22/06/2005	C25LG2	Tiên	8,4	Tám, bốn	
16	2310150042	Nguyễn Cẩm Tự	30/10/2005	C25LG2	Tự	9,2	Chín, hai	
17	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	26/08/2004	C25LG2	Uyên	9	Chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 01 . Số bài thi: 16 / 16 .

Ngày 17 tháng 9 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ban
Nguyễn Thị Hồng

Ngày 16 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thủy



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Khởi sự kinh doanh - MH1104249

Giám thị 1: Trần Thị Hoa

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25111MH110424901 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Thủy

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 06/11/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310160017	Trần Lan Thúy	My	01/05/2005			5	Năm	C25LG2	
2	2310110026	Điền Gia	Nghi	29/05/2005			4	Bóp	C25LG1	
3	2310150050	Hà Bảo Uyên	Nghi	24/07/2005			9	chín	C25LG2	
4	2310150008	Võ Phan Hạnh	Nguyên	26/07/2002			5,5	Năm, năm	C25LG1	
5	2310150020	Thạch Phương	Nhi	01/04/2005			6	Sáu	C25LG1	
6	2310150033	Cao Thị Huỳnh	Như	08/03/2005			6,5	Sáu, năm	C25LG1	
7	2310150021	Huỳnh Thị Tâm	Như	05/12/2005			8,5	Tám, năm	C25LG1	
8	2310150022	Lê Minh	Nhật	24/01/2005			9,5	chín, năm	C25LG1	
9	2310150032	Cao Thiên	Phúc	05/04/2005			5,5	Năm, năm	C25LG1	
10	2310150047	Đỗ Uyên	Phương	13/07/2005			6,5	Sáu, năm	C25LG2	
11	2310160038	Nguyễn Nhật Hà	Phương	01/10/2005			9,5	chín, năm	C25TM	
12	2310160019	Trần Trúc	Phương	26/10/2005			7,5	Bảy, năm	C25TM	
13	2310150039	Trần Hữu	Quý	24/04/2005			8	Tám	C25LG2	
14	2310150037	Huỳnh Thị Kim	Thanh	12/10/2005			7,5	Bảy, năm	C25LG2	
15	2310160033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/06/1996			8,5	Tám, năm	C25TM	
16	2310160005	Phạm Thị Ngọc	Thảo	26/09/2005			10	Mười	C25TM	
17	2310150011	Nguyễn Ngọc	Thiện	01/12/2005			8,5	Tám, năm	C25LG1	
18	2310150046	Nguyễn Hoàng	Thuận	24/05/2005			5	Năm	C25LG2	
19	2310040022	Nguyễn Ngô Nhật	Thuận	02/04/2005			7	Bảy	C25TM	
20	2310150043	Lê Thái Minh	Thư	14/10/2005			5,5	Năm, năm	C25LG2	
21	2310160013	Nguyễn Trần Anh	Thư	10/12/2005			8	Tám	C25TM	
22	2310160007	Đoàn Thị Mỹ	Tiên	31/03/2005			9,5	chín, năm	C25TM	
23	2310150045	Lê Thị Cẩm	Tiên	22/06/2005			7	Bảy	C25LG2	
24	2310160023	Trần Thị Cẩm	Tiên	24/12/2005			7	Bảy	C25TM	
25	2310160003	Huỳnh Thị Kim	Trang	17/02/2005			8,5	Tám, năm	C25TM	
26	2310150014	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	26/05/2005			6,5	Sáu, năm	C25LG1	
27	2310160037	Nguyễn Minh	Tú	23/11/2005			8	Tám	C25TM	
28	2310150042	Nguyễn Cẩm	Tự	30/10/2005			6,5	Sáu, năm	C25LG2	
29	2310150054	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	26/08/2004			8	Tám	C25LG2	
30	2310150009	Nguyễn Mẫn	Vinh	15/07/2005			8	Tám	C25LG1	
31	2310160025	Lê Hoàng	Vũ	30/09/2005			5,5	Năm, năm	C25TM	
32	2310160012	Lê Thị Thúy	Vy	10/03/2005			5	Năm	C25TM	
33	2310150010	Phạm Ngọc Thảo	Vy	03/10/2004			9	chín	C25LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2310150004	Nguyễn Hồng Yên	06/11/2005			5	Năm	C25LG1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 34 vắng thi: 02. Số bài thi/Số tờ: 34 / 34.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 10 tháng 11 năm 2018.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa.

Ngày 9 tháng 11 năm 2018.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thy

TRƯỜNG
PHÒNG
VĂN



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Khởi sự kinh doanh - MH1104249

Giám thị 1: Phan Thành Tường

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25111MH110424901 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Lê Anh Thy Thy

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Thủy

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 06/11/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.10

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310150019	Lê Trường An	28/08/2005		1	4	Bốn	C25LG1	
2	2310160030	Phạm Nguyễn Trường An	29/09/2005		1	3.5	Ba, năm	C25TM	
3	2310150028	Nguyễn Gia Bảo	18/12/2005		1	3.5	Ba, năm	C25LG1	
4	2310150055	Trần Elaniria Christian Bernard	05/03/2005		1	6	Sáu	C25LG2	
5	2310160011	Huỳnh Thảo Chi	05/04/2005		1	9	Chín	C25TM	
6	2310150012	Nguyễn Dương Chí Cường	07/10/2005		1	8	Tám	C25LG1	
7	2310160034	Nguyễn Kiều Quốc Cường	06/02/2005		1	6.5	Sáu, năm	C25TM	
8	2310150031	Nguyễn Phước Danh	31/05/2005		1	2.5	Hai, năm	C25LG1	
9	2310150041	Nguyễn Võ Thành Danh	20/4/2005		1	8.5	Tám, năm	C25LG2	
10	2310150026	Nguyễn Đình Dương	09/11/2005		1	8	Tám	C25LG1	
11	2310150048	Ngô Lê Gia Đạt	27/04/2004		1	7.5	Bảy, năm	C25LG2	
12	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002		1	7	Bảy	C25LG2	
13	2310160006	Hồ Thị Mỹ Hạnh	19/04/2005		1	8	Tám	C25TM	
14	2310150040	Lâm Ngọc Hân	20/11/2005		1	8.5	Tám, năm	C25LG2	
15	2310160002	Trần Ngọc Minh Hân	10/12/2005		1	9	Chín	C25TM	
16	2310150024	Nguyễn Gia Huy	06/04/2005		1	7	Bảy	C25LG1	
17	2310150007	Nguyễn Minh Huy	15/09/2004		1	6	Sáu	C25LG1	
18	2310150038	Nguyễn Nhật Huy	26/09/2005		1	7.5	Bảy, năm	C25LG2	
19	2310150013	Trần Gia Huy	26/03/2005		1	6	Sáu	C25LG1	
20	2310150002	Đinh Thị Tuyết Hương	06/10/2000		1	8	Tám	C25LG1	
21	2310150001	Lê Thị Mỹ Hương	22/08/1997		1	6.5	Sáu, năm	C25LG1	
22	2310160001	Phạm Thị Mỹ Lệ	12/02/2000		1	9.5	Chín, năm	C25TM	
23	2310150015	Nguyễn Thúy Linh	03/03/2005		1	7	Bảy	C25LG1	
24	2310150003	Thượng Thị Khánh Linh	31/10/2005		1	9	Chín	C25LG1	
25	2310160008	Trần Hoàng Long	01/11/2005		1	6.5	Sáu, năm	C25TM	
26	2310160036	Huỳnh Tấn Lộc	16/10/2004		1	6.5	Sáu, năm	C25TM	
27	2310160035	Nguyễn Minh Luân	08/11/2005		1	6	Sáu	C25TM	
28	2310160020	Lư Trúc Mai	07/05/2005		1	5	Năm	C25TM	
29	2310160015	Nhan Thanh Mai	14/12/2005		1	7.5	Bảy, năm	C25TM	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2310160009	Nguyễn Thị Hà My	01/01/2004		1	8	Tám	C25TM	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 30 / 30.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 10 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa.

Ngày 9 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thủy

